CHÍNH PHỦ **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 246/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; đối tượng bị xử phạt, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền theo từng chức danh và việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thủy sản.

Hành vi vi phạm đã kết thúc, hành vi vi phạm đang được thực hiện được xác định căn cứ quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản không quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây viết chung là tổ chức, cá nhân) thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định này, bao gồm:

a) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư gồm: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đầu tư kinh doanh tại Việt Nam;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã;

c) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

d) Đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

3. Hộ kinh doanh, hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.

4. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản là 02 năm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản, hình thức xử phạt chính được áp dụng là phạt tiền.

2. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 03 tháng đến 16 tháng;

b) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 01 tháng đến 12 tháng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá từ 03 tháng đến 06 tháng;

d) Tước quyền sử dụng Thẻ Đăng kiểm viên tàu cá từ 03 tháng đến 06 tháng;

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

e) Đình chỉ hoạt động du lịch từ 01 tháng đến 03 tháng;

g) Đình chỉ hoạt động sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ từ 01 tháng đến 03 tháng;

h) Đình chỉ hoạt động sản xuất, mua bán thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản từ 01 tháng đến 03 tháng;

i) Đình chỉ hoạt động của cơ sở nuôi trồng thủy sản từ 03 tháng đến 06 tháng;

k) Đình chỉ hoạt động nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm từ 01 tháng đến 03 tháng;

l) Đình chỉ hoạt động của cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá từ 03 tháng đến 06 tháng;

m) Đình chỉ hoạt động của cơ sở thu gom, mua bán, lưu giữ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển thủy sản từ 01 tháng đến 03 tháng;

n) Đình chỉ hoạt động xuất khẩu của cơ sở nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh thủy sản từ 01 tháng đến 03 tháng vào thị trường có yêu cầu;

o) Đình chỉ hoạt động nhập khẩu thủy sản sống làm thực phẩm của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng.

3. Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này quy định các biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng trong lĩnh vực thủy sản như sau:

a) Buộc thả thủy sản, giống thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng;

b) Buộc chuyển giao thủy sản đã chết thuộc Nhóm I của Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm cho cơ quan có thẩm quyền;

c) Buộc thả bổ sung loài thủy sản theo quy định;

d) Buộc thu hồi hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc tái xuất hoặc tiêu hủy loài thủy sản, giống thủy sản, thức ăn thủy sản hoặc sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;

đ) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên nhãn, bao bì, phương tiện kinh doanh, vật phẩm thể hiện tên giống thủy sản;

e) Buộc nộp lại giấy chứng nhận, xác nhận, giấy phép, văn bản chấp thuận, chứng chỉ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung;

g) Buộc vây bắt, tiêu diệt loài thủy sản sống bị thoát ra môi trường tự nhiên hoặc thủy sản được cho sinh sản trái phép từ loài thủy sản sống;

h) Buộc di dời hoặc phá dỡ công trình nuôi trồng thủy sản và khôi phục lại tình trạng ban đầu;

i) Buộc tái xuất tàu cá nhập khẩu hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng tàu cá hoặc phá dỡ tàu cá;

k) Buộc gửi đầy đủ dữ liệu giám sát hành trình tàu cá đến Hệ thống giám sát hành trình tàu cá hoặc bảo mật dữ liệu giám sát hành trình tàu cá theo quy định;

l) Buộc thực hiện kẹp chì hoặc thông báo mẫu kẹp chì thiết bị giám sát hành trình tàu cá theo quy định hoặc tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình thứ ba trở lên hoặc thu hồi thiết bị giám sát hành trình;

m) Buộc tàu nước ngoài (trừ tàu Công ten nơ) vận chuyển thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh vào Việt Nam ra khỏi lãnh thổ Việt Nam;

n) Buộc thu hồi Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá;

o) Thu hồi kẹp chì có cùng mã số;

p) Buộc thực hiện đầy đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản;

q) Buộc nuôi giữ thủy sản sống nhập khẩu về làm thực phẩm đúng địa chỉ theo giấy phép.

4. Vi phạm hành chính nhiều lần trong lĩnh vực thủy sản là tình tiết tăng nặng trong xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp được quy định là hành vi vi phạm hành chính trong Nghị định này.

Điều 5. Quy định về mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền và áp dụng xử phạt vi phạm hành chính

1. Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính do cá nhân thực hiện trong lĩnh vực thủy sản là 1.000.000.000 đồng.

2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này được áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, trừ quy định tại các khoản 5, 6 và 8 Điều 37 Nghị định này. Trường hợp tổ chức có hành vi vi phạm thì mức phạt tiền bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

3. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền xử phạt đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, thẩm quyền phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền phạt tiền cá nhân.

4. Đối với trường hợp chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 62 hoặc khoản 1 Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm để xử phạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp hành vi vi phạm hành chính gây hậu quả vượt quá mức hậu quả quy định tại khung tiền phạt cao nhất đối với hành vi vi phạm đó thì áp dụng khung tiền phạt cao nhất, hình thức phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng với khung phạt đó để xử phạt.

Trường hợp tang vật vi phạm là loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thì áp dụng quy định xử phạt như loài thuộc Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I.

5. Vi phạm về khai thác các loài thủy sản thuộc Phụ lục I, II và III Công ước về buôn bán quốc tế động, thực vật hoang dã nguy cấp (viết tắt là CITES) mà không đồng thời thuộc Nhóm I, II Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm và chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì xử lý như sau:

a) Trường hợp các loài thủy sản thuộc Phụ lục I CITES thì xử phạt vi phạm như đối với loài thủy sản thuộc Danh mục các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I;

b) Trường hợp các loài thủy sản thuộc Phụ lục II và Phụ lục III CITES thì xử phạt vi phạm như đối với loài thủy sản thuộc Danh mục các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II.

6. Trường hợp xử lý vi phạm quy định về loài thủy sản thuộc Phụ lục I CITES thì phải xác định số lượng cá thể trước khi xác định giá trị thủy sản thu được để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xử phạt vi phạm hành chính.

7. Trường hợp khai thác không chủ ý loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm mà ghi đầy đủ thông tin, báo cáo theo quy định thì không áp dụng hình thức xử phạt; trường hợp không ghi đầy đủ thông tin, không báo cáo theo quy định thì xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

8. Căn cứ để xác minh vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều 21 Nghị định này do lực lượng có thẩm quyền nước ngoài bắt giữ, xử lý (trừ trường hợp bị bắt giữ, xử lý tại vùng biển chồng lấn, tranh chấp, chưa phân định, vùng nước lịch sử giữa Việt Nam và quốc gia, vùng lãnh thổ khác) gồm một hoặc các tài liệu sau:

a) Bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý đối với hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định;

b) Văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài về việc tàu cá, ngư dân Việt Nam bị nước ngoài bắt giữ, xử lý do khai thác thủy sản trái phép tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác. Văn bản xác nhận gồm các thông tin chủ yếu sau: toạ độ vị trí tàu cá vi phạm; họ tên, thông tin về thuyền trưởng và các thuyền viên; hành vi vi phạm; số đăng ký tàu cá (nếu có); họ tên, thông tin về chủ tàu cá (nếu có); các thông tin, tài liệu, hình ảnh khác có liên quan (nếu có);

c) Tài liệu khác có liên quan đến vụ việc (nếu có).

Các tài liệu quy định tại khoản này là nguồn thông tin, chứng cứ để cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tiến hành xác minh vụ việc; không có giá trị công nhận bản án, quyết định của nước ngoài. Việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải dựa trên kết quả xác minh chính thức của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp tàu cá mất kết nối tín hiệu giám sát hành trình nhiều lần trong cùng một chuyến biển mà chủ tàu, thuyền trưởng không thực hiện đúng quy định báo cáo vị trí theo quy định thì xử phạt hành chính tương ứng với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần.

10. Việc xử phạt vi phạm hành chính đồng thời đối với thuyền trưởng và chủ tàu cá quy định tại Nghị định này được thực hiện như sau:

a) Trường hợp chủ tàu cá không đồng thời là thuyền trưởng tàu cá thì từng đối tượng vi phạm đều bị áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả quy định tương ứng đối với đối tượng và hành vi vi phạm hành chính đó;

b) Trường hợp chủ tàu cá đồng thời là thuyền trưởng tàu cá thì chỉ áp dụng hình thức xử phạt chính, các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định đối với hành vi vi phạm hành chính đó đối với chủ tàu cá.

11. Trường hợp không xác định được thuyền trưởng tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo sổ danh bạ thuyền viên hoặc không có sổ danh bạ thuyền viên thì người lái tàu tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm là đối tượng để áp dụng xử phạt như thuyền trưởng.

12. Chủ tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này là một trong các đối tượng sau đây:

a) Cá nhân, tổ chức đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký (hoặc đăng ký tạm thời) tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản;

b) Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản được thuê tài chính của tổ chức có chức năng cho thuê tài chính thì cá nhân, tổ chức thuê tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản là đối tượng để áp dụng xử phạt như chủ tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản;

c) Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã và được hợp tác xã đứng tên làm thủ tục đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh thủy sản thì hợp tác xã đó là đối tượng để áp dụng xử phạt như chủ tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản;

d) Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản chưa làm thủ tục cấp mới chứng nhận đăng ký hoặc chưa làm thủ tục cấp chứng nhận đăng ký trong trường hợp mua bán, thuê tàu trần, nhập khẩu, tặng cho, thừa kế, trúng đấu giá tàu cá thì cá nhân, tổ chức đã mua, thuê tàu trần, nhập khẩu, nhận tặng cho, nhận thừa kế, trúng đấu giá là đối tượng để áp dụng xử phạt như chủ tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản. Đồng thời xử phạt vi phạm hành chính đối với chủ tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Nghị định này.

13. Đối với tàu làm nghề lưới kéo đôi đang khai thác thủy sản vi phạm quy định tại Nghị định này, việc xử lý vi phạm hành chính áp dụng đối với thuyền trưởng hoặc thuyền trưởng và chủ tàu của từng tàu đối với hành vi vi phạm đó.

Trường hợp mỗi tàu trong cặp tàu lưới kéo đôi có hành vi vi phạm hành chính khác thì việc xử lý vi phạm hành chính áp dụng đối với thuyền trưởng, chủ tàu của từng tàu có hành vi vi phạm theo quy định.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Điều 6. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường sống của loài thủy sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không dành hành lang cho loài thủy sản di chuyển khi khai thác thủy sản bằng các nghề cố định ở các sông, hồ, đầm, phá hoặc sử dụng ngư lưới cụ, trang thiết bị, phương tiện cản trở trái phép đường di cư tự nhiên của loài thủy sản;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng ngư lưới cụ, trang thiết bị, phương tiện hủy hoại nguồn lợi thủy sản hoặc hệ sinh thái thủy sinh hoặc khu vực thủy sản tập trung sinh sản hoặc khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống hoặc nơi cư trú của các loài thủy sản;

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi lấn, chiếm hoặc gây hại khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu bảo tồn biển;

d) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi thăm dò; khai thác tài nguyên; xây dựng, phá bỏ công trình dưới mặt nước, lòng đất dưới nước làm suy giảm hoặc mất đi nguồn lợi thủy sản hoặc gây tổn hại đến môi trường sống, khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống, đường di cư của loài thủy sản; không tạo đường di cư hoặc dành hành lang di chuyển cho loài thủy sản khi xây dựng mới, thay đổi hoặc phá bỏ công trình hoặc có hoạt động liên quan đến đường di cư của loài thủy sản.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về khai thác thủy sản trong khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn

1. Phạt tiền đối với hành vi khai thác thủy sản trong thời gian cấm tại khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp không sử dụng tàu cá hoặc sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên.

2. Phạt tiền đối với hành vi khai thác thủy sản có kích thước nhỏ hơn quy định mà vượt tỉ lệ khai thác lẫn theo các mức phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp tỉ lệ khai thác lẫn từ 15% đến dưới 25% sản lượng thủy sản khai thác được;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp tỉ lệ khai thác lẫn từ 25% đến dưới 50% sản lượng thủy sản khai thác được;

c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp tỉ lệ khai thác lẫn từ 50% đến dưới 75% sản lượng thủy sản khai thác được;

d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường hợp tỉ lệ khai thác lẫn từ 75% sản lượng thủy sản khai thác được trở lên.

3. Trường hợp sử dụng tàu cá làm nghề lưới kéo (trừ nghề lưới kéo moi/ruốc), nghề kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực) trong thời gian cấm tại khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì áp dụng mức phạt tiền gấp đôi quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu thủy sản khai thác đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c, d khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thả thủy sản còn sống trở lại môi trường sống tự nhiên của chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về quản lý loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng nội dung văn bản chấp thuận hoặc phương án khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo sản lượng giống; kết quả thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản của năm kế trước; kế hoạch thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản của năm hiện tại hoặc không thông báo thời gian thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản theo quy định;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thả hoặc không thả đủ số lượng cá thể loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm hoặc thả không đúng địa điểm theo kế hoạch thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản đã thông báo.

3. Phạt tiền đối với hành vi khai thác trái phép loài thủy sản thuộc Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo các mức phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp giá trị thủy sản thu được dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản dưới 50.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp giá trị thủy sản thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu thủy sản khai thác đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thả thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Buộc thả bổ sung loài thủy sản theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn biển

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm tại vùng đệm của khu bảo tồn biển như sau:

a) Thả phao đánh dấu ranh giới vùng biển không đúng quy định;

b) Điều tra, nghiên cứu khoa học khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Phục hồi, tái tạo các loài động vật, thực vật thủy sinh, hệ sinh thái biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

d) Phương tiện thủy hoạt động không đúng quy định;

đ) Tổ chức hoạt động du lịch sinh thái gây tổn hại đến nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái biển;

e) Tổ chức hoạt động dịch vụ, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng không đúng quy định;

g) Xây dựng công trình hạ tầng, công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nuôi trồng thủy sản không đúng quy định hoặc gây hại đến khu bảo tồn biển;

h) Nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm trong phân khu dịch vụ - hành chính của khu bảo tồn biển:

a) Thả phao đánh dấu ranh giới vùng biển không đúng quy định;

b) Điều tra, nghiên cứu khoa học khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Phục hồi, tái tạo các loài động vật, thực vật thủy sinh, hệ sinh thái biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

d) Phương tiện thủy hoạt động không đúng quy định;

đ) Tổ chức hoạt động du lịch sinh thái gây tổn hại đến nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái biển;

e) Tổ chức hoạt động dịch vụ, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng không đúng quy định;

g) Xây dựng công trình hạ tầng, công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nuôi trồng thủy sản không đúng quy định hoặc gây hại đến khu bảo tồn biển;

h) Nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm trong phân khu phục hồi sinh thái của khu bảo tồn biển như sau:

a) Hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;

b) Hành vi không được thực hiện trong phân khu phục hồi sinh thái.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt như sau:

a) Hành vi vi phạm quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này;

b) Hành vi không được thực hiện trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này; điểm g khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều này trừ trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản này;

b) Buộc phá dỡ công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều này;

c) Buộc thả thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng hoặc buộc chuyển giao thủy sản đã chết thuộc Nhóm I Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi khai thác thủy sản không đúng quy định trong khu bảo tồn quy định tại điểm h khoản 1 và h khoản 2 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân không phải là thành viên của tổ chức cộng đồng và không tuân thủ Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản hoặc Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng đã được cấp có thẩm quyền công nhận và giao quyền quản lý theo quy định về đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản khi có một trong các hành vi sau tại khu vực thực hiện đồng quản lý:

a) Hoạt động nuôi trồng thủy sản;

b) Khai thác nguồn lợi thủy sản;

c) Tổ chức hoạt động du lịch giải trí gắn với hoạt động đánh bắt nguồn lợi thủy sản.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng (nếu có) từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động du lịch từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc thả thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 2. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ GIỐNG THỦY SẢN

Điều 11. Vi phạm quy định về sản xuất, ương dưỡng, khảo nghiệm giống thủy sản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không báo cáo, cập nhật thông tin hoặc báo cáo, cập nhật không đúng thông tin về hoạt động sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo quy định;

b) Không thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý chuyên ngành về thủy sản cấp tỉnh về việc sử dụng giống thủy sản bố mẹ theo quy định;

c) Không ghi chép, lưu giữ đầy đủ hồ sơ trong quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản phục vụ truy xuất nguồn gốc.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không tuân thủ quy định về thời hạn sử dụng giống thủy sản bố mẹ;

b) Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (không phải là giống thủy sản bố mẹ) không duy trì một trong các điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản;

c) Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (không phải là giống thủy sản bố mẹ) không đúng nội dung trong Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ không đúng nội dung trong Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản;

b) Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ mà không duy trì một trong các điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản;

c) Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (không phải là giống thủy sản bố mẹ) không có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng theo quy định.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ (không phải là đối tượng thủy sản nuôi chủ lực) không có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng theo quy định.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ (là đối tượng thủy sản nuôi chủ lực) mà không có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng theo quy định.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được công nhận hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đầy đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 và b khoản 3 Điều này;

b) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng giống thủy sản, trường hợp không đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy giống thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu giống thủy sản

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Xuất khẩu giống thủy sản có tên trong Danh mục loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

b) Nhập khẩu giống thủy sản để khảo nghiệm, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, nghiên cứu khoa học không đúng mục đích sử dụng hoặc thời hạn của giấy phép.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thả giống thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng hoặc buộc chuyển đổi mục đích sử dụng, trường hợp không đáp ứng yêu cầu chuyển đổi thì buộc tiêu hủy giống thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc tái xuất giống thủy sản, trường hợp không thể tái xuất thì buộc tiêu hủy giống thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 13. Vi phạm quy định về đặt tên giống thủy sản

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đặt tên giống thủy sản không theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên nhãn, bao bì, phương tiện kinh doanh, vật phẩm thể hiện tên giống thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 3. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THỨC ĂN THỦY SẢN, SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 14. Vi phạm quy định về thông tin thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; lưu giữ, vận chuyển thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản nhập khẩu để giới thiệu ở hội chợ, triển lãm

1. Phạt tiền đối với hành vi cập nhật không đúng hoặc không đầy đủ thông tin về thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản trước khi lưu thông trên thị trường theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm dưới 03 sản phẩm;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 03 sản phẩm đến dưới 05 sản phẩm;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 05 sản phẩm đến dưới 10 sản phẩm;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 10 sản phẩm trở lên.

2. Phạt tiền đối với hành vi không cập nhật thông tin thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản trước khi lưu thông trên thị trường theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm dưới 03 sản phẩm;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 03 sản phẩm đến dưới 05 sản phẩm;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 05 sản phẩm đến dưới 10 sản phẩm;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 10 sản phẩm trở lên.

3. Phạt tiền đối với hành vi lưu giữ, vận chuyển thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản nhập khẩu có thành phần không thuộc Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, nguyên liệu sản xuất thức ăn được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam mà chưa được cấp phép theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm dưới 03 sản phẩm;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 03 sản phẩm đến dưới 05 sản phẩm;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 05 sản phẩm đến dưới 10 sản phẩm;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 10 sản phẩm trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, trường hợp không đáp ứng yêu cầu chuyển đổi thì buộc tái xuất hoặc tiêu hủy thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, trường hợp không đáp ứng yêu cầu chuyển đổi thì buộc tiêu hủy thức ăn thủy sản hoặc sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về sản xuất, nhập khẩu, mua bán thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền đối với hành vi không ghi, lưu giữ hồ sơ sản xuất theo quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm, an toàn sinh học theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm dưới 05 sản phẩm;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 05 sản phẩm đến dưới 10 sản phẩm;

c) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 10 sản phẩm đến dưới 15 sản phẩm;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 15 sản phẩm trở lên.

2. Phạt tiền đối với hành vi không báo cáo hoặc không thông báo hoạt động sản xuất, nhập khẩu theo quy định theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo tình hình sản xuất, nhập khẩu theo quy định;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo theo quy định khi sản xuất, nhập khẩu sản phẩm do cơ sở khác công bố.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng với một trong các hành vi sau:

a) Nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để khảo nghiệm, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, nghiên cứu khoa học không đúng mục đích sử dụng hoặc thời hạn của giấy phép;

b) Sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản không có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất.

4. Phạt tiền đối với hành vi sử dụng nguyên liệu không rõ nguồn gốc, xuất xứ để sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm dưới 03 sản phẩm;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 03 sản phẩm đến dưới 05 sản phẩm;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 05 sản phẩm đến dưới 10 sản phẩm;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 10 sản phẩm trở lên.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, mua bán, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có thành phần không thuộc Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, nguyên liệu sản xuất thức ăn được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam chưa được cấp phép theo quy định mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Phạt tiền đối với hành vi sản xuất, mua bán, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có chứa thành phần thuộc Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật cấm sử dụng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi mua bán;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, nhập khẩu.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sản xuất, mua bán thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 4, khoản 5 và 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đối với hành vi vi phạm về sản xuất, mua bán quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này;

b) Buộc tái xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, trường hợp không thể tái xuất thì buộc tiêu hủy thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đối với hành vi vi phạm về nhập khẩu quy định tại điểm a khoản 3, khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi công bố không đúng kết quả khảo nghiệm.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin công bố không đúng về kết quả khảo nghiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 4. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 18. Vi phạm quy định về điều kiện nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không ghi chép, không lưu giữ hồ sơ về giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, thuốc thú y thủy sản trong quá trình nuôi trồng thủy sản để đảm bảo truy xuất nguồn gốc;

b) Bờ ao (đầm/hầm), bể hoặc khung lồng, phao, lưới, đăng quầng, giá thể làm bằng vật liệu gây ô nhiễm môi trường, gây độc hại cho thủy sản nuôi.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không có nơi chứa chất thải riêng biệt với nơi chứa, nơi xử lý thủy sản chết làm ảnh hưởng đến môi trường, thủy sản nuôi;

b) Khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu không bảo đảm yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, nhà cung cấp;

c) Nước thải, chất thải từ khu sinh hoạt, vệ sinh làm ảnh hưởng đến khu vực nuôi;

d) Cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh trong ao (đầm/hầm), bể không có hệ thống xử lý nước cấp, nước thải riêng biệt;

đ) Cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh trong ao (đầm/hầm), bể không có nơi chứa bùn thải phù hợp;

e) Cơ sở nuôi trồng thủy sản bằng lồng bè, đăng quầng không có thiết bị cảnh báo cho hoạt động giao thông thủy;

g) Trang thiết bị sử dụng trong nuôi trồng thủy sản làm bằng vật liệu gây ô nhiễm môi trường, gây độc hại đối với thủy sản nuôi;

h) Địa chỉ ao/bể/lồng nuôi nuôi trồng thủy sản không đúng với địa chỉ tại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản;

i) Không đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè hoặc không đăng ký đối tượng thủy sản nuôi chủ lực.

3. Phạt tiền đối với hành vi nuôi trồng thủy sản trên biển vượt quá hạn mức giao như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp vượt hạn mức từ 01 héc ta đến dưới 03 héc ta;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp vượt hạn mức từ 03 héc ta đến dưới 05 héc ta;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với trường hợp vượt hạn mức từ 05 héc ta trở lên.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Nuôi trồng thủy sản khi chưa được giao, cho thuê đất, đất có mặt nước, khu vực biển theo quy định;

b) Nuôi trồng đối tượng thủy sản không tuân thủ quy hoạch về phát triển nuôi trồng thủy sản tại địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Nuôi trồng mỗi loài thủy sản không có trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của cơ sở nuôi trồng thủy sản từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc di dời hoặc phá dỡ công trình nuôi trồng thủy sản và khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều này;

c) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng loài thủy sản, trường hợp không đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mục đích thì buộc tiêu hủy loài thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.

Điều 19. Vi phạm quy định về nhập khẩu, xuất khẩu thủy sản sống

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nuôi giữ không đúng địa chỉ theo giấy phép đối với thủy sản sống nhập khẩu về làm thực phẩm;

b) Sử dụng dụng cụ, cơ sở vật chất, trang thiết bị lưu giữ thủy sản sống nhập khẩu về làm thực phẩm, làm cảnh, giải trí, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, nghiên cứu khoa học không đúng Kế hoạch kiểm soát thủy sản sống hoặc phương án xử lý đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Không tuân thủ biện pháp quản lý rủi ro tại kế hoạch kiểm soát thủy sản sống hoặc phương án xử lý đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sau khi nhập khẩu thủy sản về làm thực phẩm, làm cảnh, giải trí, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, nghiên cứu khoa học.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi để mỗi loài thủy sản sống nhập khẩu về làm thực phẩm thoát ra môi trường tự nhiên hoặc phát tán, phóng sinh hoặc cho sinh sản trái phép đối với thủy sản sống nhập khẩu thủy sản về làm thực phẩm, làm cảnh, giải trí, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, nghiên cứu khoa học.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhập khẩu thủy sản sống chưa có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam dùng làm thực phẩm, làm cảnh hoặc giải trí hoặc trưng bày tại hội chợ, triển lãm, nghiên cứu khoa học chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định;

b) Nhập khẩu thủy sản sống về làm thực phẩm vượt quá khối lượng hoặc không đúng kích cỡ đã được cấp phép;

c) Nhập khẩu thủy sản sống về làm thực phẩm, làm cảnh hoặc giải trí hoặc trưng bày tại hội chợ, triển lãm, nghiên cứu khoa học không đúng mục đích sử dụng hoặc thời hạn của giấy phép;

d) Nhập khẩu thủy sản sống về làm thực phẩm không đúng nhà xuất khẩu hoặc quốc gia xuất khẩu hoặc cửa khẩu nhập khẩu ghi trong giấy phép.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu loài thủy sản sống có tên trong Danh mục loài thủy sản cấm xuất khẩu hoặc Danh mục loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện mà không đáp ứng điều kiện theo quy định, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động nhập khẩu thủy sản sống làm thực phẩm của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Tịch thu tang vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nuôi giữ thủy sản sống nhập khẩu về làm thực phẩm đúng địa chỉ theo giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc tái xuất lô thủy sản sống, trường hợp không tái xuất được thì buộc tiêu hủy đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

d) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 3 Điều này;

đ) Buộc vây bắt, tiêu diệt loài thủy sản sống bị thoát ra môi trường tự nhiên hoặc thủy sản được cho sinh sản trái phép từ loài thủy sản sống đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 20. Vi phạm quy định về nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cấy nhân tạo loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không ghi hoặc ghi không đầy đủ hoặc ghi không đúng vào sổ theo dõi quá trình nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cấy nhân tạo đối với loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES;

b) Không lưu giữ hồ sơ về nguồn gốc hợp pháp loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES để đảm bảo truy xuất nguồn gốc.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi nuôi loài thủy sản thuộc Phụ lục I CITES vì mục đích xuất khẩu mà không đăng ký mã số cơ sở nuôi.

3. Phạt tiền đối với hành vi nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cấy nhân tạo loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm không rõ nguồn gốc theo mức phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cấy nhân tạo loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm thuộc Nhóm I Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm hoặc loài thủy sản thuộc Phụ lục I CITES;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cấy nhân tạo loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm thuộc Nhóm II Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm hoặc loài thủy sản thuộc Phụ lục II, Phụ lục III CITES.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu loài thủy sản không rõ nguồn gốc, xuất xứ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này.

Mục 5. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC THỦY SẢN

Điều 21. Vi phạm nghiêm trọng trong khai thác thủy sản

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng chủ tàu cá đối với hành vi tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình tàu cá không được giám sát theo quy định mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng chủ tàu cá đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét khai thác thủy sản trên biển không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản đã hết hạn;

b) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên thăm dò, tìm kiếm, dẫn dụ nguồn lợi thủy sản cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản hết hạn hoặc không có thiết bị giám sát hành trình khi hoạt động hoặc không duy trì việc truyền thông tin từ thiết bị giám sát hành trình tàu cá về Hệ thống giám sát hành trình tàu cá hoặc vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá theo quy định khi hoạt động;

c) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên để chuyển tải hoặc vận chuyển nguồn lợi thủy sản từ tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản bất hợp pháp trong vùng biển Việt Nam;

d) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên vượt qua ranh giới phía ngoài của vùng biển được phép khai thác, trừ trường hợp tàu cá được chấp thuận đi hoạt động tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác hoặc được cấp phép đi hoạt động tại vùng biển thuộc quyền quản lý của tổ chức nghề cá khu vực;

đ) Tàng trữ hoặc vận chuyển trái phép thiết bị giám sát hành trình của tàu cá khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Gửi trái phép thiết bị giám sát hành trình của tàu cá mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

g) Không duy trì việc truyền thông tin từ thiết bị giám sát hành trình tàu cá về Hệ thống giám sát hành trình tàu cá theo quy định khi hoạt động trên biển, đảo (nơi không có cảng cá) đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên;

h) Vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình tàu cá khi hoạt động trên biển, đảo (nơi không có cảng cá) đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên;

i) Không có thiết bị giám sát hành trình tàu cá khi tàu cá trên biển hoặc đảo (nơi không có cảng cá) đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên;

k) Không đưa tàu cá về bờ trong thời hạn 10 ngày kể từ thời điểm tàu cá mất tín hiệu từ thiết bị giám sát hành trình;

l) Không có nhật ký khai thác thủy sản, nhật ký thu mua chuyển tải thủy sản đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

m) Không duy trì việc truyền thông tin từ thiết bị giám sát hành trình tàu cá về Hệ thống giám sát hành trình tàu cá theo quy định khi hoạt động trên biển, đảo (nơi không có cảng cá) đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

n) Vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình tàu cá khi hoạt động trên biển, đảo (nơi không có cảng cá) đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

o) Không có thiết bị giám sát hành trình tàu cá khi hoạt động trên biển, đảo (nơi không có cảng cá) đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần.

3. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng chủ tàu cá đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét khai thác thủy sản trên biển không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản đã hết hạn trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

b) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên thăm dò, tìm kiếm, dẫn dụ nguồn lợi thủy sản cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản hết hạn hoặc không có thiết bị giám sát hành trình khi hoạt động hoặc không duy trì việc truyền thông tin từ thiết bị giám sát hành trình tàu cá về Hệ thống giám sát hành trình tàu cá hoặc vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình tàu cá theo quy định khi hoạt động trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

c) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên chuyển tải hoặc vận chuyển nguồn lợi thủy sản từ tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản bất hợp pháp trong vùng biển Việt Nam trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

d) Không duy trì việc truyền thông tin từ thiết bị giám sát hành trình tàu cá về Hệ thống giám sát hành trình tàu cá theo quy định khi hoạt động trên biển, đảo (nơi không có cảng cá) đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

đ) Vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình tàu cá khi hoạt động trên biển, đảo (nơi không có cảng cá) đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

e) Không có thiết bị giám sát hành trình tàu cá khi hoạt động trên biển, đảo (nơi không có cảng cá) đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần;

g) Che giấu, giả mạo hoặc hủy chứng cứ vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

h) Khai thác thủy sản quá hạn mức do Tổ chức nghề cá khu vực cấp phép.

4. Phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng chủ tàu cá đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên khai thác thủy sản trên biển không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản đã hết hạn;

b) Khai thác thủy sản tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực mà không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản hết hạn hoặc không có giấy chấp thuận hoặc giấy chấp thuận hết hạn;

c) Sử dụng tàu cá nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam mà không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản hết hạn;

d) Sử dụng tàu cá không quốc tịch hoặc mang quốc tịch của quốc gia không phải thành viên để khai thác thủy sản trái phép trong vùng biển thuộc quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực;

đ) Sử dụng tàu cá để khai thác thủy sản không theo quy định về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong vùng biển quốc tế không thuộc quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực;

e) Khai thác thủy sản không đúng quy định tại vùng biển thuộc quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực;

g) Che giấu, giả mạo hoặc hủy chứng cứ vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong trường hợp tái phạm;

h) Khai thác thủy sản quá hạn mức do Tổ chức nghề cá khu vực cấp phép trong trường hợp tái phạm.

5. Phạt tiền thuyền trưởng tàu cá vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Phạt tiền bằng mức phạt tiền chủ tàu cá đối với hành vi quy định tại khoản 1 (trừ trường hợp tàu cá nằm bờ không đi hoạt động khai thác thủy sản), điểm đ, e, g, h, i, k, m, n và o khoản 2, điểm d, đ và e khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều này.

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại điểm a, b, c, d và l khoản 2 Điều này;

c) Phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại điểm a, b, c, g và h khoản 3 Điều này;

d) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại điểm a, c, d, đ, e, g và h khoản 4 Điều này.

đ) Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng đối với hành vi không ghi nhật ký khai thác thủy sản hoặc ghi không chính xác so với yêu cầu của Tổ chức nghề cá khu vực hoặc báo cáo sai quy định của Tổ chức nghề cá khu vực khi hoạt động khai thác thủy sản trong vùng biển thuộc quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu thủy sản khai thác đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b, c, k khoản 2; các điểm a, b, c, e và g khoản 3; các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 4 Điều này; tịch thu thủy sản khai thác quá hạn mức đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 3 và điểm h khoản 4 Điều này;

b) Tịch thu tàu cá đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 4 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;

d) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 2, điểm b, c, d, đ, e và g khoản 3 Điều này;

đ) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 12 tháng đến 16 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ, e, g và h khoản 4 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm a, b, c, k khoản 2; các điểm a, b, c, e và g khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 22. Vi phạm quy định hoạt động của tàu cá trên các vùng biển

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với thuyền trưởng có hành vi sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét khai thác thủy sản hoặc chuyển tải thủy sản tại vùng lộng hoặc vùng khơi.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với thuyền trưởng có hành vi sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét khai thác thủy sản hoặc chuyển tải thủy sản tại vùng ven bờ hoặc vùng khơi.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với thuyền trưởng và chủ tàu cá có hành vi sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét khai thác thủy sản hoặc chuyển tải thủy sản tại vùng ven bờ hoặc vùng lộng.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với thuyền trưởng và chủ tàu cá có hành vi sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên khai thác thủy sản hoặc chuyển tải thủy sản tại vùng ven bờ hoặc vùng lộng.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này.

Điều 23. Vi phạm quy định về hạn ngạch sản lượng khai thác thủy sản

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với thuyền trưởng có hành vi khai thác thủy sản vượt từ 10% đến dưới 20% hạn ngạch sản lượng thủy sản cho phép khai thác.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với thuyền trưởng có hành vi khai thác thủy sản vượt từ 20% đến 30% hạn ngạch sản lượng thủy sản cho phép khai thác.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với thuyền trưởng có hành vi khai thác thủy sản vượt trên 30% hạn ngạch sản lượng thủy sản cho phép khai thác.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu thủy sản khai thác vượt quá hạn ngạch sản lượng cho phép khai thác đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định đối với hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 24. Vi phạm quy định về Giấy phép khai thác thủy sản

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với thuyền trưởng và chủ tàu cá vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không mang bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy phép khai thác thủy sản khi tàu cá hoạt động khai thác thủy sản;

b) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét khai thác thủy sản không đúng nghề ghi trong Giấy phép khai thác thủy sản;

c) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét khai thác thủy sản trong nội địa mà không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản đã hết hạn.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với thuyền trưởng và chủ tàu cá vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét khai thác thủy sản trong vùng biển Việt Nam mà không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản đã hết hạn;

b) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét khai thác thủy sản không đúng nghề ghi trong Giấy phép khai thác thủy sản;

c) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên khai thác thủy sản trong nội địa mà không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản đã hết hạn.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với thuyền trưởng và chủ tàu cá vi phạm một trong các hành vi vi phạm như sau:

a) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét khai thác thủy sản trong vùng biển Việt Nam mà không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản đã hết hạn;

b) Sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên khai thác thủy sản không đúng nghề ghi trong Giấy phép khai thác thủy sản.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với thuyền trưởng và chủ tàu cá vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu thủy sản khai thác đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1, các khoản 2, 3 và 4 Điều này;

b) Tịch thu ngư cụ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1, các khoản 2, 3 và 4 Điều này;

d) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm c khoản 1, các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 25. Vi phạm quy định về chuyển tải thủy sản hoặc hỗ trợ cho tàu cá khai thác bất hợp pháp

1. Phạt tiền đối với thuyền trưởng và chủ tàu cá có hành vi thăm dò, tìm kiếm, dẫn dụ nguồn lợi thủy sản cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản được xác định có hành vi khai thác thủy sản trong vùng cấm khai thác, trong thời gian cấm khai thác, khai thác loài thủy sản có kích thước nhỏ hơn quy định hoặc sử dụng nghề, ngư cụ khai thác bị cấm như sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoặc phương tiện thủy khác;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường hợp tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với trường hợp tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

2. Phạt tiền đối với thuyền trưởng và chủ tàu cá có hành vi sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất đến dưới 24 mét để thăm dò, tìm kiếm, dẫn dụ nguồn lợi thủy sản cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép khai thác thủy sản hết hạn hoặc không có thiết bị giám sát hành trình khi hoạt động hoặc không duy trì việc truyền thông tin từ thiết bị giám sát hành trình tàu cá về Hệ thống giám sát hành trình tàu cá theo quy định hoặc vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình tàu cá khi hoạt động như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường hợp tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với trường hợp tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với trường hợp tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

3. Phạt tiền đối với thuyền trưởng và chủ tàu cá có hành vi sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất đến dưới 24 mét để chuyển tải hoặc vận chuyển nguồn lợi thủy sản từ tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản bất hợp pháp trong vùng biển Việt Nam như sau:

a) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với trường hợp tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với trường hợp tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với trường hợp tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

4. Phạt tiền đối với thuyền trưởng và chủ tàu có hành vi chuyển tải hoặc vận chuyển nguồn lợi thủy sản từ tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản bất hợp pháp ở ngoài vùng biển Việt Nam như sau:

a) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu thủy sản khai thác đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định đối với hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định về nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản, nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không nộp báo cáo khai thác thủy sản hoặc báo cáo không đầy đủ, không đúng theo quy định đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét;

b) Ghi không đúng hoặc ghi không đầy đủ nhật ký khai thác thủy sản, nhật ký thu mua chuyển tải thủy sản theo quy định đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không có hoặc không ghi hoặc không nộp nhật ký khai thác thủy sản, nhật ký thu mua chuyển tải thủy sản theo quy định đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

b) Ghi không đúng hoặc ghi không đầy đủ nhật ký khai thác thủy sản, nhật ký thu mua chuyển tải thủy sản theo quy định đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không có hoặc không ghi hoặc không nộp nhật ký khai thác thủy sản, nhật ký thu mua chuyển tải thủy sản theo quy định đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

b) Ghi không đúng hoặc ghi không đầy đủ nhật ký khai thác thủy sản, nhật ký thu mua chuyển tải thủy sản theo quy định đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không có hoặc không ghi hoặc không nộp nhật ký khai thác thủy sản, nhật ký thu mua chuyển tải thủy sản theo quy định đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét trong trường hợp tái phạm;

b) Không có hoặc không ghi hoặc không nộp nhật ký khai thác thủy sản, nhật ký thu mua chuyển tải thủy sản đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên;

c) Ghi không đúng hoặc ghi không đầy đủ nhật ký khai thác thủy sản, nhật ký thu mua chuyển tải thủy sản theo quy định đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 06 tháng đến 09 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 27. Vi phạm quy định về hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước khi đưa tàu vào vùng biển Việt Nam theo quy định;

b) Cập không đúng cảng được ghi trong Giấy phép hoạt động thủy sản;

c) Không mang đầy đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật Việt Nam;

d) Không có hoặc không ghi hoặc ghi không đầy đủ hoặc không nộp nhật ký khai thác thủy sản, nhật ký thu mua chuyển tải thủy sản hoặc không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định;

đ) Không tiếp nhận giám sát viên hoặc trả giám sát viên không đúng địa điểm hoặc không bảo đảm điều kiện làm việc, sinh hoạt cho giám sát viên theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá có hành vi hoạt động không đúng vùng, nghề, lĩnh vực hoạt động ghi trong giấy phép hoạt động thủy sản.

3. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép hoạt động thủy sản từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép hoạt động thủy sản từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 28. Vi phạm quy định về nghề, ngư cụ khai thác thủy sản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá không đánh dấu ngư cụ hoặc đánh dấu ngư cụ không đúng quy định hoặc vứt bỏ trái phép ngư cụ xuống vùng nước tự nhiên.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá có hành vi sử dụng ngư cụ làm cản trở hoặc gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân đang khai thác thủy sản hợp pháp hoặc thả neo tại nơi có ngư cụ của tổ chức, cá nhân đang khai thác thủy sản hợp pháp.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thuyền trưởng tàu cá có hành vi sử dụng nghề cấm, ngư cụ cấm để khai thác thủy sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này.

Điều 29. Vi phạm quy định về sử dụng xung điện, dòng điện để khai thác thủy sản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng công cụ kích điện để khai thác thủy sản trong trường hợp không sử dụng tàu cá mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền thuyền trưởng tàu cá đối với hành vi sử dụng công cụ kích điện hoặc sử dụng trực tiếp dòng điện từ máy phát điện trên tàu cá để khai thác thủy sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng dòng điện trực tiếp từ điện lưới để khai thác thủy sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu công cụ kích điện, máy phát điện và ngư cụ đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

b) Tịch thu tang vật là thủy sản đã chết đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thả thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định đối với hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 30. Vi phạm quy định về sử dụng chất cấm, hóa chất cấm, chất độc, chất nổ để khai thác thủy sản

1. Phạt tiền thuyền trưởng tàu cá đối với hành vi sử dụng chất cấm, hóa chất cấm, chất độc, chất nổ để khai thác thủy sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu chất nổ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy chất cấm, hóa chất cấm, chất độc và thủy sản khai thác đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định về giám sát viên trên tàu cá Việt Nam hoạt động khai thác ở vùng biển Việt Nam

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá không cho giám sát viên được tiếp cận với trang thiết bị y tế, thiết bị vệ sinh hoặc sử dụng lương thực, thực phẩm, chỗ ở tương tự với tiêu chuẩn dành cho thuyền viên làm việc trên tàu.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá không cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, sổ danh bạ thuyền viên, nhật ký khai thác và các tài liệu khác có liên quan cho giám sát viên khi có yêu cầu.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với thuyền trưởng có một trong các hành vi sau:

a) Không cung cấp hoặc không cho giám sát viên tiếp cận các thiết bị hàng hải, hải đồ, radio, máy đo độ sâu, dò cá, ra đa, định vị, máy thông tin liên lạc và các trang thiết bị khác;

b) Ngăn cản việc tiếp cận boong tàu trong quá trình thu, thả ngư cụ và tiếp cận các mẫu vật thủy sản để thu thập và lấy mẫu của giám sát viên.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với giám sát viên có hành vi nhũng nhiễu, không thực hiện đúng chức trách trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với chủ tàu, thuyền trưởng không tiếp nhận giám sát viên đi trên tàu cá theo quy định.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này.

Điều 32. Vi phạm quy định về treo cờ

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá có hành vi treo cờ không đúng quy định hoặc không treo cờ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên tàu cá khi hoạt động.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần.

Mục 6. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TÀU CÁ, CẢNG CÁ, KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BÃO CHO TÀU CÁ

Điều 33. Vi phạm quy định về đóng mới, cải hoán tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với chủ cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá có hành vi đóng mới, cải hoán tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản không đúng hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được thẩm định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với chủ cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá có hành vi đóng mới, cải hoán tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản không có hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được thẩm định.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với chủ tàu cá và chủ cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá có hành vi đóng mới, cải hoán tàu cá làm nghề lưới kéo, nghề lưới rê thu ngừ (trừ trường hợp tàu cá làm nghề lưới kéo, nghề lưới rê thu ngừ cải hoán sang làm nghề khác) hoặc cải hoán tàu cá đang làm nghề khác sang làm nghề lưới kéo, nghề lưới rê thu ngừ.

4. Phạt tiền đối với chủ tàu cá và chủ cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá có hành vi đóng mới, cải hoán tàu cá không có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với trường hợp tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với trường hợp tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phá dỡ hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng tàu cá đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 34. Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có hành vi không mang bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật còn thời hạn khi hoạt động theo quy định.

2. Phạt tiền đối với chủ tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có hành vi không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ trang thiết bị an toàn tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét;

c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

3. Phạt tiền đối với thuyền trưởng tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có hành vi sử dụng Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật đã hết hạn hoặc không có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật khi hoạt động theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này.

Điều 35. Vi phạm quy định về đăng kiểm tàu cá

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chủ cơ sở đăng kiểm tàu cá có hành vi báo cáo không đầy đủ về công tác đăng kiểm tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với chủ cơ sở đăng kiểm tàu cá có hành vi không báo cáo hoặc không cập nhật kết quả đăng kiểm tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản vào cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia theo quy định.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với đăng kiểm viên tàu cá có hành vi ký biên bản hoặc sử dụng con dấu, ấn chỉ nghiệp vụ khi thực hiện nhiệm vụ thẩm định hồ sơ thiết kế, kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản không đúng quy định hoặc thực hiện nhiệm vụ thẩm định hồ sơ thiết kế, kiểm tra an toàn kỹ thuật không đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá hoặc cấp biên bản kiểm tra (lần đầu, định kỳ, cải hoán,

trên đà, hàng năm) khi tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản chưa được đánh dấu, kẻ dấu mạn khô theo quy định.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với chủ cơ sở đăng kiểm tàu cá có hành vi thực hiện đăng kiểm không đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá hoặc đăng kiểm cho tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản mà tàu chưa được đánh dấu, kẻ dấu mạn khô theo quy định.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với chủ cơ sở đăng kiểm tàu cá có một trong các hành vi sau:

a) Đăng kiểm không đúng với nội dung trong Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá;

b) Đăng kiểm khi cơ sở đăng kiểm không duy trì đầy đủ điều kiện theo quy định.

6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với chủ cơ sở đăng kiểm tàu cá có hành vi đăng kiểm khi không có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Thẻ Đăng kiểm viên tàu cá từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đã cấp đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này.

Điều 36. Vi phạm quy định về đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với thuyền trưởng có hành vi không mang bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký tàu khi hoạt động.

2. Phạt tiền đối với tổ chức, cá nhân có hành vi không thực hiện đăng ký sang tên tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản quá hạn theo quy định đến dưới 60 ngày với các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

3. Phạt tiền đối với tổ chức, cá nhân có hành vi không thực hiện đăng ký sang tên tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản quá hạn theo quy định từ 60 ngày đến dưới 120 ngày với các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

4. Phạt tiền đối với tổ chức, cá nhân có hành vi không thực hiện đăng ký sang tên tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản quá hạn theo quy định từ 120 ngày trở lên với các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

5. Phạt tiền đối với thuyền trưởng tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản đang hoạt động mà không có Giấy chứng nhận đăng ký với các mức phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc phá dỡ tàu cá đối với hành vi vi phạm tại khoản 5 Điều này.

Điều 37. Vi phạm quy định về thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với chủ tàu cá có một trong các hành vi sau:

a) Không báo cáo vị trí tàu cá neo đậu tại bờ định kỳ 07 ngày/lần cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi đăng ký tàu cá trong trường hợp chủ tàu đã ngừng dịch vụ truyền dữ liệu thiết bị giám sát hành trình trong thời gian không đi khai thác từ 03 tháng trở lên;

b) Không duy trì việc truyền thông tin từ thiết bị giám sát hành trình tàu cá về Hệ thống giám sát hành trình tàu cá và không báo cáo vị trí về cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh (qua

bộ phận trực, vận hành Hệ thống giám sát hành trình tàu cá) định kỳ 24 giờ/lần trong trường hợp tàu cá mất tín hiệu thiết bị giám sát hành trình tại bờ hoặc đảo (nơi có cảng cá).

2. Phạt tiền đối với chủ tàu cá có hành vi không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ thiết bị thông tin liên lạc tàu cá theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

3. Phạt tiền chủ tàu cá đối với một trong những hành vi sau:

a) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá vượt quá số lượng được phép lắp đặt đối với một tàu cá theo quy định;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tháo gỡ hoặc thay thế kẹp chì thiết bị giám sát hành trình tàu cá mà không được giám sát theo quy định.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với thuyền trưởng và chủ tàu cá có hành vi không thực hiện báo cáo vị trí theo quy định đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét mất tín hiệu thiết bị giám sát hành trình trên biển hoặc đảo (nơi không có cảng cá).

5. Phạt tiền đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện kẹp chì khi lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá theo quy định hoặc không thông báo mẫu kẹp chì cho cơ quan quản lý theo quy định hoặc không cập nhật mã số kẹp chì mới lên hệ thống hoặc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá không đúng quy định;

b) Không bảo mật dữ liệu giám sát hành trình tàu cá theo quy định;

c) Cập nhật không chính xác thông tin về tàu, chủ tàu, mã thiết bị giám sát tàu cá, mã kẹp chì lên phần mềm giám sát tàu cá của đơn vị theo quy định;

d) Không phối hợp xử lý kỹ thuật của thiết bị hoặc xử lý sự cố truyền tín hiệu theo quy định hoặc không phối hợp trong quá trình xử lý vi phạm khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Không gửi hoặc gửi không đầy đủ dữ liệu giám sát hành trình tàu cá chưa gửi được đến Trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá thuộc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định;

e) Cung cấp từ hai kẹp chì trở lên có cùng mã số.

6. Phạt tiền đơn vị cung cấp dịch vụ vệ tinh cho thiết bị giám sát hành trình tàu cá từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không đảm bảo việc duy trì dịch vụ vệ tinh đến thiết bị giám sát hành trình tàu cá và từ thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá đến hệ thống giám sát hành trình tàu cá của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá;

b) Không phối hợp với đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá đảm bảo việc kết nối dữ liệu giữa thiết bị giám sát hành trình tàu cá đến phần mềm giám sát hành trình tàu cá của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá;

c) Không kịp thời khắc phục sự cố kết nối vệ tinh đến thiết bị giám sát hành trình tàu cá và ngược lại; phối hợp trong quá trình xử lý vi phạm khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

7. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với thuyền trưởng và chủ tàu cá vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện báo cáo vị trí tàu cá theo quy định đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên mất tín hiệu thiết bị giám sát hành trình trên biển hoặc đảo (nơi không có cảng cá);

b) Không duy trì việc truyền thông tin từ thiết bị giám sát hành trình về Hệ thống giám sát hành trình tàu cá theo quy định khi tàu cá trên biển hoặc đảo (nơi không có cảng cá) đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

c) Vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình tàu cá trên biển hoặc đảo (nơi không có cảng cá) đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Không có thiết bị giám sát hành trình tàu cá khi tàu cá trên biển hoặc đảo (nơi không có cảng cá) đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét.

8. Phạt tiền đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp thiết bị giám sát hành trình mà chưa được cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường đánh giá, thông báo bằng văn bản và công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Không thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về việc khắc phục sự cố tín hiệu thiết bị giám sát tàu cá do đơn vị mình cung cấp;

c) Cung cấp thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 4 và khoản 7 Điều này.

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 7 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện kẹp chì theo quy định hoặc thông báo mẫu kẹp chì thiết bị giám sát hành trình tàu cá theo quy định hoặc cập nhật mã số kẹp chì mới lên hệ thống đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;

b) Buộc cập nhật chính xác thông tin về tàu, chủ tàu, mã thiết bị giám sát tàu cá, mã kẹp chì lên phần mềm giám sát tàu cá của đơn vị theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều này;

c) Buộc gửi đầy đủ dữ liệu giám sát hành trình tàu cá đến Hệ thống giám sát hành trình tàu cá đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 Điều này;

d) Buộc thu hồi thiết bị giám sát hành trình đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 8 Điều này;

đ) Buộc khắc phục sự cố tín hiệu của thiết bị giám sát hành trình tàu cá đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 8 Điều này;

e) Buộc thu hồi kẹp chì có cùng mã số đối với hành vi quy định tại điểm e khoản 5 Điều này.

Điều 38. Vi phạm quy định về đánh dấu, viết số tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền đối với chủ tàu cá có hành vi không đánh dấu hoặc đánh dấu sai quy định đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

2. Phạt tiền đối với chủ tàu cá có hành vi viết sai quy định về vị trí, kích thước và hình thức của số đăng ký và tên tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản như sau:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

3. Phạt tiền đối với thuyền trưởng và chủ tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có hành vi sử dụng tàu mà không viết hoặc viết không đúng số đăng ký của tàu như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này.

Điều 39. Vi phạm quy định về thuyền viên, người làm việc trên tàu cá

1. Phạt tiền đối với thuyền trưởng tàu cá từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi thuyền viên, người làm việc trên tàu không mang theo giấy tờ tùy thân.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với thuyền trưởng có một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thuyền viên trên tàu không có tên trong Sổ danh bạ thuyền viên tàu;

b) Không có Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo quy định;

c) Không bố trí đủ chức danh, định biên an toàn tối thiểu trên tàu cá theo quy định.

3. Phạt tiền đối với từng hành vi tương ứng của thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền phó, thợ máy tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản không có văn bằng, chứng chỉ theo quy định như sau:

a) Từ 2.000.000 đến 3.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 đến dưới 15 mét;

b) Từ 3.000.000 đến 5.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 đến dưới 24 mét;

c) Từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

4. Phạt tiền đối với chủ tàu cá có hành vi không mua bảo hiểm theo quy định cho thuyền viên tàu cá theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm dưới 03 thuyền viên làm việc trên tàu cá;

b) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 03 đến dưới 05 thuyền viên làm việc trên tàu cá;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 05 đến dưới 10 thuyền viên làm việc trên tàu cá;

d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm từ 10 thuyền viên trở lên làm việc trên tàu cá.

Điều 40. Vi phạm quy định về xuất, nhập khẩu tàu cá

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhập khẩu tàu cá có thông tin và thông số kỹ thuật cơ bản không đúng với Quyết định cho phép nhập khẩu tàu cá;

b) Xuất khẩu tàu cá khi chưa được cơ quan thẩm quyền xóa đăng ký hoặc cơ quan thẩm quyền xóa đăng ký nhưng lý do xóa đăng ký không phải để xuất khẩu.

2. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối hành vi nhập khẩu tàu cá có tên trong Danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp của các Tổ chức quản lý nghề cá khu vực, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tái xuất tàu cá nhập khẩu, trường hợp không thể tái xuất tàu cá thì buộc chuyển đổi mục đích sử dụng tàu cá hoặc phá dỡ tàu cá đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc phá dỡ tàu cá đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 41. Vi phạm quy định về cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão tàu cá

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá có một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo hoặc thông báo không đầy đủ hoặc sai lệch thông tin theo quy định về thời gian cập cảng, sản lượng qua cảng cho tổ chức quản lý cảng cá trước khi vào hoặc thông tin rời cảng cá theo quy định;

b) Không tuân thủ nội quy, sự điều động của tổ chức quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, trừ trường hợp bất khả kháng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với thuyền trưởng tàu cá có hành vi điều khiển tàu cá gây hại đến công trình cảng cá.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi phá hủy hoặc làm thay đổi công trình, trang thiết bị của cảng cá.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi lấn chiếm vùng đất, vùng nước, công trình cảng cá.

5. Phạt tiền đối với thuyền trưởng có hành vi không cập cảng cá để bốc dỡ thủy sản theo quy định như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 và điểm c khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 42. Vi phạm quy định về quản lý cảng cá

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thu nhật ký khai thác thủy sản, nhật ký thu mua chuyển tải, báo cáo khai thác thủy sản;

b) Không ban hành nội quy của cảng cá;

c) Không thông báo công khai nội quy tại cảng cá;

d) Không bố trí địa điểm làm việc để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định của pháp luật tại cảng cá;

đ) Không thông báo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý đối với tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp;

e) Không thực hiện giám sát hoặc không báo cáo, báo cáo không kịp thời, không đúng, không đầy đủ hoặc không cập nhật dữ liệu theo quy định đối với tàu cá cập cảng, rời cảng, sản lượng, thành phần loài thủy sản bốc dỡ qua cảng cá theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện xác nhận thủy sản hoặc không báo cơ quan có thẩm quyền để xử lý đối với tàu cá cập cảng mà không thông báo hoặc thông báo không đầy đủ thông tin theo quy định về thời gian cập cảng, sản lượng qua cảng cho tổ chức quản lý cảng cá trước khi cập cảng hoặc thông tin rời cảng cá theo quy định;

b) Xác nhận cho tàu cá rời cảng hoặc cập cảng khi tàu cá không rời cảng hoặc cập cảng theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đưa cảng cá vào hoạt động khi chưa được công bố mở cảng cá theo quy định.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi cho tàu cá vùng khơi cập cảng khi cảng cá chưa được chỉ định cho tàu vùng khơi cập cảng theo quy định.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận nguồn gốc nguyên liệu khi cảng cá chưa được chỉ định là cảng cá xác nhận nguồn gốc nguyên liệu theo quy định.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi để tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp bốc dỡ tại cảng cá.

7. Phạt tiền đối với hành vi cấp Giấy xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản vượt quá sản lượng khai thác như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cấp vượt quá sản lượng khai thác đến dưới 100 kg;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cấp vượt quá sản lượng khai thác từ 100 kg đến dưới 500 kg;

c) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi cấp vượt quá sản lượng khai thác từ 500 kg đến dưới 1.000 kg;

d) Từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi cấp vượt quá sản lượng khai thác từ 1.000 kg đến dưới 2.000 kg;

đ) Từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi cấp vượt quá sản lượng khai thác từ 2.000 kg trở lên.

8. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt quy định từ khoản 7 Điều này trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần.

Mục 7. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THU GOM, MUA BÁN, LƯU GIỮ, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN, BẢO QUẢN, VẬN CHUYỂN THỦY SẢN

Điều 43. Vi phạm quy định về thu gom, mua bán, lưu giữ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển thủy sản

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không lưu trữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu, bằng chứng theo quy định để chứng minh nguồn gốc thủy sản từ khai thác trong nước được sử dụng để chế biến xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu về chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định;

b) Không thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác theo quy định hoặc hệ thống truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác không đảm bảo để truy xuất được các nguồn nguyên liệu đưa vào bảo quản, chế biến, xuất khẩu;

c) Cung cấp không đúng, không đầy đủ thông tin ghi trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, Giấy xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu để phục vụ thanh tra, kiểm tra, quản lý;

d) Quảng cáo để kinh doanh loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES (trừ các loài thuộc nhóm hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định) trái quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền đối với hành vi thu gom, mua bán, lưu giữ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển trái phép thủy sản, sản phẩm và bộ phận của loài thủy sản có tên trong Nhóm II Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm mà không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định hoặc thủy sản, sản phẩm thủy sản và bộ phận của loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có tên trong Phụ lục II, Phụ lục III CITES không có nguồn gốc hợp pháp mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản dưới 20 kg;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 20 kg đến dưới 50 kg;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 50 kg đến dưới 100 kg;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 100 kg đến dưới 200 kg;

đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 200 kg đến dưới 500 kg;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 500 kg trở lên.

3. Phạt tiền đối với hành vi thu gom, mua bán, lưu giữ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển trái phép thủy sản, sản phẩm thủy sản và bộ phận của loài thủy sản có tên trong Nhóm I Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm hoặc thủy sản, sản phẩm thủy sản và bộ phận của loài

thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có tên thuộc Phụ lục I CITES không có nguồn gốc hợp pháp mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản dưới 10 kg;

b) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 10 kg đến dưới 20 kg;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 20 kg đến dưới 50 kg;

d) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 50 kg đến dưới 100 kg;

đ) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 100 kg đến dưới 500 kg;

e) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 500 kg trở lên.

4. Phạt tiền đối với hành vi thu gom, mua bán, lưu giữ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển thủy sản sống nhập khẩu không có tên trong danh mục được phép kinh doanh tại Việt Nam như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản dưới 200 kg;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 200 kg đến dưới 500 kg;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 500 kg đến dưới 1.000 kg;

d) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 1.000 kg trở lên.

5. Phạt tiền đối với hành vi mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sơ chế, chế biến thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp như sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản dưới 200 kg;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 200 kg đến dưới 500 kg;

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 500 kg đến dưới 1.000 kg;

d) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 1.000 kg trở lên.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu loài thủy sản, sản phẩm thủy sản và bộ phận của loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

b) Tịch thu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động thu gom, mua bán, lưu giữ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển thủy sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với thủy sản, sản phẩm thủy sản cùng loài, nhóm loài thủy sản đã vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;

d) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi thu gom, tàng trữ thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy loài thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Điều 44. Vi phạm quy định về nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh đối với thủy sản

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không gửi báo cáo theo quy định về sản lượng thực tế, thành phần loài nhập khẩu sau khi phân loại theo quy định;

b) Không gửi báo cáo về sản lượng thực tế bốc dỡ qua cảng kèm theo các thông tin chi tiết về số xe, tên khách hàng, ngày cân, trọng lượng xe và hàng, trọng lượng xe không, trọng lượng hàng, mã số hầm hàng ngay sau khi kết thúc bốc dỡ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện khai báo hoặc gửi thông tin không đúng theo quy định đối với thủy sản nhập khẩu có nguồn gốc từ khai thác được vận chuyển bằng tàu công ten nơ;

b) Không gửi giấy tờ để phục vụ thanh tra, kiểm tra đối với thủy sản nhập khẩu có nguồn gốc từ khai thác được vận chuyển bằng tàu công ten nơ;

c) Nhập khẩu thủy sản khi chưa có thông báo của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhập khẩu thủy sản không đúng với nội dung hồ sơ đã khai báo nhập khẩu;

b) Không lưu trữ hồ sơ, tài liệu, bằng chứng đáp ứng yêu cầu về chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định để chứng minh nguồn gốc thủy sản từ khai thác nhập khẩu vào Việt Nam.

4. Phạt tiền đối với một trong các hành vi vi phạm về nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh đối với thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc Tổ chức nghề cá khu vực theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với lô hàng dưới 100 kg;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với lô hàng từ 100 kg đến dưới 500 kg;

c) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với lô hàng từ 500 kg đến dưới 1.000 kg;

d) Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với lô hàng từ 1.000 kg đến dưới 2.000 kg;

đ) Phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với lô hàng từ 2.000 kg trở lên.

5. Phạt tiền đối với hành vi xuất khẩu trái phép loài thủy sản không đáp ứng điều kiện trong Danh mục loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với lô hàng dưới 100 kg;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với lô hàng từ 100 kg đến dưới 500 kg;

c) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với lô hàng từ 500 kg đến dưới 1.000 kg;

d) Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với lô hàng từ 1.000 kg đến dưới 2.000 kg;

đ) Phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với lô hàng từ 2.000 kg trở lên.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu lô hàng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh từ 01 tháng đến 03 tháng đối với thủy sản, sản phẩm thủy sản cùng loài, nhóm loài thủy sản đã vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lưu trữ hồ sơ, tài liệu, bằng chứng đáp ứng yêu cầu về chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đối với hành vi vi phạm điểm b khoản 3 Điều này;

b) Buộc tàu nước ngoài (trừ tàu Công ten nơ) vận chuyển thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh vào Việt Nam ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đối với hành vi vi phạm khoản 4 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính tại khoản 4, khoản 5 Điều này;

d) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 4 Điều này.

Mục 8. CẢN TRỞ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỦY SẢN

Điều 45. Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước về thủy sản

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành hoặc xúi giục, lôi kéo người khác không chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền hoặc có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người thi hành công vụ.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cản trở công tác điều tra, thăm dò nguồn lợi thủy sản; bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thu thập số liệu về hoạt động thủy sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 46. Vi phạm quy định về giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, chứng chỉ được cấp và vi phạm khác trong lĩnh vực thủy sản

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung các loại giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bằng, chứng chỉ, văn bản chấp thuận, quyết định cho phép nhập khẩu, các giấy tờ khác đã được cấp của cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực thủy sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Cung cấp hồ sơ, thông tin giả mạo, sai sự thật khi nộp hồ sơ đề nghị cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc cung cấp các giấy tờ khác của cơ quan có thẩm quyền để hành nghề trong lĩnh vực thủy sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm như sau:

a) Lợi dụng việc điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác;

b) Cung cấp, khai thác thông tin, sử dụng thông tin, dữ liệu về thủy sản trái quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp hồ sơ, thông tin giả mạo, sai sự thật khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản chấp thuận, quyết định cho phép nhập khẩu, các giấy tờ khác của cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực thủy sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bằng, chứng chỉ, văn bản chấp thuận, quyết định cho phép nhập khẩu, các giấy tờ khác đã được cấp đối với hành vi quy định tại khoản 1 và 3 Điều này.

Chương III

THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 47. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các Điều 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55 và 56 Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt được quy định tại Nghị định này.

2. Công chức, viên chức thuộc các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản đang thi hành công vụ, nhiệm vụ.

Điều 48. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 49. Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực và một số chức danh khác

1. Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm, thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng đoàn kiểm tra Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Trưởng đoàn kiểm tra Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Trưởng đoàn kiểm tra của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Thủ trưởng tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 50. Thẩm quyền của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 200.000.000 đồng.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 400.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

a) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 600.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh nội địa gồm: Trưởng phòng Tham mưu tổng hợp, Trưởng phòng An ninh xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ gồm: Trưởng phòng An ninh bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, Trưởng phòng Quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật Nhà nước; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh công thương, Trưởng phòng An ninh nông, lâm, ngư nghiệp, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo, Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn tuyên truyền, điều tra, giải quyết tai nạn giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy nội địa, Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công tác phòng cháy, Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý khoa học - công nghệ và kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao gồm: Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Trưởng phòng An ninh thông tin mạng, Trưởng phòng Bảo vệ an ninh hệ thống mạng thông tin quốc gia, Trưởng phòng Giám sát thông tin mạng và phòng, chống hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh gồm: Trưởng phòng Quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài, Trưởng phòng Quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Hồ sơ nghiệp vụ gồm: Giám đốc Trung tâm Thông tin, dữ liệu nghiệp vụ Bộ Công an, Giám đốc Trung tâm Tiếp nhận, xử lý thông tin nghiệp vụ, Trưởng phòng Tin học và quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ nghiệp vụ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh nội địa, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Trưởng phòng Hồ sơ nghiệp vụ, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Cục trưởng Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 51. Thẩm quyền của Bộ đội Biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 200.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt tiền đến 150.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 300.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 600.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 52. Thẩm quyền của Cảnh sát biển

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 200.000.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 400.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 600.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, đ, e và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, đ, e và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 53. Thẩm quyền của Hải quan

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng.

2. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 600.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 54. Thẩm quyền của Quản lý thị trường

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 200.000.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:

a) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 600.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 55. Thẩm quyền của Kiểm ngư

1. Kiểm ngư viên đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng.

2. Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền:

a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 400.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, đ, e và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực thủy sản, kiểm ngư thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 56. Thẩm quyền của Kiểm lâm

1. Kiểm lâm viên đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng.

2. Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm có quyền:

a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 400.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, e và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm; Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng có quyền:

a) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 600.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, e và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Đội trưởng Đội Kiểm lâm đặc nhiệm thuộc Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 57. Phân định thẩm quyền xử phạt

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này.

3. Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực và một số chức danh khác:

a) Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 43; Điều 44; khoản 1 Điều 45; khoản 1 và khoản 3 Điều 46 theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định này và chức năng nhiệm vụ được giao;

b) Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền tại khoản 3 Điều 55 Nghị định này và chức năng nhiệm vụ được giao;

c) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng đoàn kiểm tra Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Trưởng đoàn kiểm tra Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền tại khoản 2 Điều 49 Nghị định này và chức năng nhiệm vụ được giao;

d) Trưởng đoàn kiểm tra của Bộ Nông nghiệp và Môi trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền tại khoản 3 Điều 49 Nghị định này và chức năng nhiệm vụ được giao;

đ) Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 43; Điều 44; khoản 1 Điều 45; khoản 1 và khoản 3 Điều 46 theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 49 Nghị định này và chức năng nhiệm vụ được giao.

4. Công an nhân dân xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; khoản 3 Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 33; Điều 35; khoản 2, 3, 4 Điều 36; khoản 5, 6, 8 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 41; Điều 42; Điều 43; Điều 44; Điều 45 và Điều 46 theo thẩm quyền quy định tại Điều 50 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Bộ đội Biên phòng xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 12; khoản 3 Điều 14; Điều 19; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 34; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41; Điều 43; Điều 44; Điều 45 và Điều 46 theo thẩm quyền quy định tại Điều 51 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Cảnh sát biển xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 21; Điều 22; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 34; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 41; Điều 43; các khoản 3, 4 và 5 Điều 44; Điều 45 và Điều 46 theo thẩm quyền quy định tại Điều 52 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Hải quan xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 12; Điều 16; Điều 19; Điều 40; Điều 44 và khoản 1 và khoản 3 Điều 46 theo thẩm quyền quy định tại Điều 53 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Quản lý thị trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 19; Điều 43; khoản 1 Điều 46 theo thẩm quyền quy định tại Điều 54 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, địa bàn được giao.

9. Kiểm ngư xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 41; Điều 42; Điều 43; Điều 44; Điều 45 và Điều 46 theo thẩm quyền quy định tại Điều 55 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.

10. Kiểm lâm xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 24; Điều 43 và Điều 45 theo thẩm quyền quy định tại Điều 56 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.

11. Phân định trách nhiệm xác minh, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm gắn với phương tiện vi phạm là tàu cá được áp dụng theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp tàu cá đang hoạt động trên biển, cơ quan có thẩm quyền, lực lượng thực thi pháp luật nào phát hiện, bắt giữ tàu cá, thụ lý đầu tiên thì cơ quan, lực lượng đó có trách nhiệm chủ trì xác minh, xử lý, đồng thời thông tin đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản của địa phương nơi đăng ký tàu cá để biết, phối hợp;

b) Trường hợp tàu cá đã về bờ, cơ quan có thẩm quyền, lực lượng thực thi pháp luật của địa phương nơi tàu cá đó neo đậu có trách nhiệm chủ trì xác minh, xử lý, đồng thời thông tin đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản của địa phương nơi đăng ký tàu cá về việc thụ lý, xử lý hành vi vi phạm để biết, phối hợp;

c) Trường hợp tàu cá, ngư dân bị nước ngoài bắt giữ, xử lý, được lực lượng thực thi pháp luật trên biển tiếp nhận về Việt Nam thì địa phương nơi đăng ký tàu cá bị bắt giữ có trách nhiệm tiếp nhận vụ việc để xác minh, xử lý. Trong trường hợp không xác định được nơi tàu cá đăng ký thì địa phương nơi thuyền trưởng đăng ký thường trú có trách nhiệm tiếp nhận vụ việc để xử lý.

Điều 58. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính

1. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản thì người có thẩm quyền xử phạt có quyền tạm giữ một trong các loại giấy tờ theo thứ tự: Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, văn bằng chứng chỉ thuyền trưởng, hoặc giấy phép lưu hành phương tiện hoặc giấy tờ cần thiết khác có liên quan đến tang vật, phương tiện cho đến khi cá nhân, tổ chức đó chấp hành xong quyết định xử phạt. Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không có giấy tờ nói trên, thì người có thẩm quyền xử phạt có thể tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

3. Trường hợp hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này mà hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân vi phạm đưa phương tiện về bờ hoặc trụ sở cơ quan để giải quyết.

a) Trường hợp tang vật là thủy sản, sản phẩm thủy sản khai thác trên biển, căn cứ tình tiết vụ việc, trưởng đoàn tuần tra lập biên bản làm việc, biên bản vi phạm hành chính theo quy định. Người lập biên bản làm việc, biên bản vi phạm hành chính phải xác định tại biên bản các thông tin sau: Chủng loại thủy sản; khối lượng ước tính của từng loại; điều kiện bảo quản tang vật của tàu tuần tra; thông tin về cảng cá, cơ quan tiếp nhận khi tàu về bờ.

Trưởng đoàn tuần tra yêu cầu thuyền trưởng tàu cá vận chuyển tang vật về cảng cá gần nhất hoặc cảng cá theo đề nghị của thuyền trưởng để xử lý tang vật vi phạm; không bắt buộc phải áp giải tàu cá về cảng cá (trừ trường hợp cần thiết nhằm ngăn chặn hành vi chống đối, bỏ trốn).

Trong thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm lập biên bản, Trưởng đoàn tuần tra có trách nhiệm báo cáo người ra quyết định thành lập Đoàn tuần tra về vụ việc (kèm theo tài liệu có liên quan). Người ra quyết định thành lập Đoàn Tuần tra chủ trì, phối hợp với tổ chức quản lý cảng cá nơi tàu cá vi phạm được yêu cầu cập cảng và các tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý tang vật theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp tang vật là tàu cá, căn cứ vào tình tiết vụ việc trưởng đoàn tuần tra lập biên bản làm việc, biên bản vi phạm hành chính, biên bản tạm giữ tang vật theo quy định (trường hợp người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện tạm giữ cùng thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính thì không phải lập biên bản tạm giữ); yêu cầu thuyền trưởng đưa tàu cá về cảng cá gần nhất hoặc cảng cá theo đề nghị của thuyền trưởng để xử lý tang vật vi phạm; không bắt buộc phải áp giải tàu cá về cảng cá (trừ trường hợp cần thiết nhằm ngăn chặn hành vi chống đối, bỏ trốn).

Trong thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm lập biên bản, Trưởng đoàn tuần tra có trách nhiệm báo cáo người ra quyết định thành lập Đoàn tuần tra về vụ việc (kèm theo tài liệu có liên quan). Người ra quyết định thành lập Đoàn Tuần tra chủ trì, phối hợp với tổ chức quản lý cảng cá nơi tàu cá vi phạm được yêu cầu cập cảng và các tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý tang vật theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả

1. Việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; chất cấm, hóa chất cấm, chất độc và thủy sản khai thác hoặc thu hồi thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; vây bắt, tiêu diệt thủy sản sống bị thoát ra môi trường tự nhiên hoặc thủy sản được cho sinh sản trái phép từ loài thủy sản sống được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả độc lập theo quy định tại Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính phải có trách nhiệm thực hiện việc tiêu hủy hoặc thu hồi sản phẩm vi phạm đang lưu thông trên thị trường; vây bắt, tiêu diệt thủy sản sống bị thoát ra môi trường tự nhiên hoặc thủy sản được cho sinh sản trái phép từ loài thủy sản sống bằng phương pháp gia nhiệt từ 90°C trở lên hoặc cấp đông hoặc sơ chế, chế biến;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc tiêu hủy hoặc thu hồi sản phẩm vi phạm đang lưu thông trên thị trường, tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính phải gửi báo cáo bằng văn bản đến cơ quan của người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả độc lập và cơ quan giám sát về việc khắc phục xong hậu quả vi phạm hành chính;

c) Cơ quan có thẩm quyền ra Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả có trách nhiệm đôn đốc, giám sát hoặc đề nghị, phân công, ủy quyền cho cơ quan thuộc hệ thống quản lý để giám sát việc thực hiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

2. Nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính; số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật:

a) Việc xác định số lợi bất hợp pháp; số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật do người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện và ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

b) Số lợi bất hợp pháp được xác định từ khi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính đến thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm hoặc có quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì xác định số lợi bất hợp pháp có được; số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật theo từng hành vi vi phạm hành chính.

Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính nhiều lần thì xác định số lợi bất hợp pháp có được; số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo từng lần;

d) Số lợi bất hợp pháp thu được bằng tiền là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ hành vi vi phạm hành chính và được tính bằng số tiền thu được từ việc chuyển nhượng, tiêu thụ hàng hóa vi phạm sau khi đã trừ chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa, dịch vụ căn cứ vào hồ sơ, chứng từ chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó do cá nhân, tổ chức vi phạm cung cấp. Số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật là số tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

đ) Số lợi bất hợp pháp thu được bằng giấy tờ có giá là toàn bộ giấy tờ có giá mà tổ chức, cá nhân vi phạm thu được từ hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp giấy tờ có giá đã được chuyển nhượng thì số lợi bất hợp pháp được xác định bằng số tiền thực tế thu được tại thời điểm chuyển nhượng; trường hợp giấy tờ có giá đã bị tẩu tán, tiêu hủy thì số lợi bất hợp pháp được xác định theo giá trị sổ sách của tổ chức phát hành giấy tờ có giá tại thời điểm tẩu tán, tiêu hủy;

e) Số lợi bất hợp pháp là vật, tài sản khác mà tổ chức, cá nhân vi phạm thu được từ hành vi vi phạm hành chính là các tài sản khác theo quy định của Bộ luật Dân sự. Trường hợp vật, tài sản khác đã được chuyển nhượng, tiêu thụ hoặc tiêu hủy thì số lợi bất hợp pháp được xác định bằng số tiền tương đương giá trị thị trường của tài sản cùng loại hoặc xác định theo giá trị sổ sách của tài sản (nếu không có giá trị thị trường) hoặc xác định bằng giá trị tiền của tài sản ghi trên tờ khai xuất khẩu, tờ khai nhập khẩu (nếu là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) của tổ chức, cá nhân vi phạm sau khi trừ chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa căn cứ vào hồ sơ, chứng từ chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó;

g) Trường hợp thu gom, mua bán, lưu giữ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh đối với thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định thì số lợi bất hợp pháp là toàn bộ số tiền, giấy tờ có giá, vật, tài sản khác mà tổ chức, cá nhân thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm.

3. Việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc phá dỡ hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng tàu cá như sau:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả độc lập, tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính phải có trách nhiệm phá dỡ tàu cá;

b) Trường hợp chuyển mục đích sử dụng thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả độc lập, tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính phải có trách nhiệm chuyển đổi mục đích sử dụng. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng phải thực hiện trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày đầu tiên tiến hành chuyển đổi mục đích sử dụng;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả có trách nhiệm giám sát việc thực hiện quy định tại tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc phá dỡ hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng, tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính phải gửi báo cáo bằng văn bản đến cơ quan của người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả độc lập và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả về việc khắc phục xong hậu quả vi phạm hành chính.

4. Các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của tổ chức, cá nhân bị xử phạt được lưu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 60. Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong việc phát hiện hành vi vi phạm

1. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện vi phạm hành chính trong hoạt động khai thác thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và nuôi trồng thủy sản.

2. Việc quản lý, sử dụng và danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện hành vi vi phạm thực hiện theo quy định của Chính phủ về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính.

Điều 61. Xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử

Việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này trên môi trường điện tử được áp dụng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và tại Điều 28a và Điều 28b Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ).

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 62. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 8 năm 2026.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản và Nghị định số 301/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

3. Việc xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm liên quan đến tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản quy định tại Nghị định này áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Điều 63. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản xảy ra và kết thúc trước khi Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý.

2. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực nhưng vẫn đang diễn ra khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này để xử lý.

Điều 64. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Quốc Dũng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b).